TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 510/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07/6/2018
***V/v** : "Ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Chính
2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Kim Thông - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mến – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 06 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1079/2017/TLST–HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2018/QĐST- HNGĐ ngày 11/5/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: tổ 20, ấp 3, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Nguyễn Phước T, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường Đ, ấp M, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/9/2016, bản tự khai ngày 29/11/2007 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

Bà và ông Nguyễn Phước T tự nguyện tổ chức đám cưới vào năm 2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 05, quận A năm 2015.

Khi về chung sống với nhau, cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, đến tháng 7 năm 2016 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông T thường xuyên nhậu nhẹt, đánh vợ; không quan tâm, chăm sóc cho vợ con, vợ chồng hay cãi nhau. Bà và ông T đã sống ly thân từ tháng 7/2016 đến nay, mỗi người

đã có cuộc sống riêng. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc hôn nhân của bà chỉ còn là hình thức nên bà có nguyện vọng được ly hôn với ông Nguyễn Phước T

- Về con chung: có 01 trẻ tên Nguyễn Phước Như N, sinh ngày 29/6/2016. Bà D yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ N, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: không có.

- Nợ chung: không có.

Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: vì đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư ngụ tại huyện H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Hồ Chí Minh theo các qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông T tự nguyện tiến đến hôn nhân. Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 71 quyển số 01/2015 ngày 07/9/2015 do Ủy ban nhân dân phường 5, phường A cấp thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Tai phiên tòa, bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T. Bà D khai, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 07/2016. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T thường xuyên uống rượu, bia, không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình, không có trách nhiệm với vợ con, dẫn đến vợ chồng thương xuyên tranh cãi, vợ chồng bà đã ly thân từ tháng 07/2016 cho đến nay.

Hội đồng xét thấy, từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo về phiên hòa giải để vợ chồng trở về đoàn tụ với nhau nhưng ông T vẫn cố tình tránh né không đến tòa án, không trình bày ý kiến, yêu cầu của mình. Điều này chứng tỏ ông T không có thiện chí để vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn trở về sống chung với nhau. Mặt khác, vợ chồng bà D, ông T đã không còn chung sống với nhau từ tháng 07/2016, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai nấy sống, đến nay cả hai bên không có phương pháp hay thiện chí hàn gắn. Hội đồng nhận thấy đời sống chung của vợ chồng của bà D, ông T đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D.

-Về con chung: 01 trẻ Nguyễn Phước Như N, sinh ngày 29/6/2016. Bà D yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ N, bà xin rút yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét thấy hiện tại trẻ N do bà D trực tiếp nuôi dưỡng nên yêu cầu của bà D về việc nuôi con có cơ sở chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu quan điểm về phần thủ tục tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà D phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn với ông Nguyễn Phước T.

2/ Về con chung: 01 trẻ Nguyễn Phước Như N, sinh ngày 29/6/2016, giao trẻ N cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, tạm ngừng tiền cấp dưỡng nuôi con đối với ông T cho đến khi có yêu cầu của bà D.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

3/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ngọc D phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng mà bà D đã nộp theo biên lai số 0032759 ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để xin xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND H.H;
- Chi Cục THADS H.H;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Phụng